**Thứ Bảy ngày 21 tháng 9 năm 2024**

**Buổi chiều – Tiết 1**

**Toán**

## BÀI 4. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ PHÂN SỐ ( TIẾT 2)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố và hoàn thiện các kĩ năng đọc, viết phân số; vận dụng tính chất cơ bản của phân số; so sánh, sắp xếp các phân số.

- Quy đồng được hai phân số trong trường hợp có hai mẫu số khác nhau.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực chung:** Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, ....

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học, cẩn thận khi làm bài và yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, máy tính, ti vi….

- SGK, vở, bút, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Hoạt động khởi động** - Khởi động qua trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”, GV đưa ra một số PS và yêu cầu HS tìm PS mới bằng PS đã cho.VD: $\frac{42}{100}$, $\frac{25}{50},\frac{4}{8}$,…- Nhận xét, tuyên dương.- Qua trò chơi, các em được ôn tập nội dung gì ?- GVNX, giới thiệu bài.**B. Hoạt động luyện tập, thực hành** **\* Bài 5.** a) Đọc ví dụ sau rồi nói cho bạn nghe cách thực hiện:Ví dụ: Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{2}{3}$ và $\frac{5}{4}$.+ GV đặt câu hỏi: Mẫu số của hai phân số trên có chia hết cho nhau không?$\rightarrow $ Từ đó, GV giới thiệu cách chọn mẫu số chung.Vì 3 $×$ 4 = 12 nên ta chọn 12 làm mẫu số chung.+ GV hướng dẫn HS cách quy đồng:Ta có: $\frac{2}{3}=\frac{2×4}{3×4}=\frac{8}{12}$ và $\frac{5}{4}=\frac{5×3}{4×3}=\frac{15}{12}$+ Nêu kết quả quy đồng:Vậy quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{2}{3}$ và $\frac{5}{4}$ ta được $\frac{8}{12}$ và $\frac{15}{12}$.- GV hỏi: Em có nhận xét gì về cách tìm MSC ở bài 4 tiết 1 với bài ngày hôm nay?b) Quy đồng mẫu số hai phân số:- GV mời 1HS đúng dậy đọc đề bài.- GV cho HS làm bài cá nhân vào vở.- Sau khi làm bài, HS đổi vở, chữa bài với bạn cùng bàn.- GV mời 3 HS trình bày bài làm.- GV nhận xét, chữa bài cho HS.**\*Bài 6**. *Quy đồng mẫu số hai phân số:*- GV yêu cầu HS thực hiện:Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{3}{4}$ và $\frac{1}{6}$*+ GV gợi ý để HS nhận thấy:*$\frac{18}{24}=\frac{9}{12}$ *và* $\frac{4}{24}=\frac{2}{12}$*Vậy trong trường hợp này, khi tìm mẫu số chung thay vì chọn mẫu số chung là* $4×6=24$ *ta có thể chọn mẫu số chung là* $12$*.*$\rightarrow $*Ta thấy 12 vừa chia hết cho 4 vừa chia hết cho 6, từ đó GV chú ý cho HS: Ta có thể lấy số gần nhất chia hết cho cả hai số làm mẫu số chung thay cho tích của hai số.**+ GV cho HS thực hiện quy đồng với mẫu số chung là 12.*- GV nhận xét, chữa bài và chốt đáp án.- GV yêu cầu HS làm các phần còn lại vào vở.**\* Bài 7.**a. - Gọi HS nêu YC- Bài toán yêu cầu làm gì?- Để so sánh các phân số em cần làm gì?- YCHS làm bài vào vở- GV mời HS chia sẻ kết quả (đọc miệng).- GV nhận xét- GV hỏi: để so sánh 2 PS khác MS ta cần làm gì?b. - Gọi HS nêu YC- Bài toán yêu cầu làm gì?- YCHS làm bài vào vở- GV mời HS chia sẻ kết quả (đọc miệng)- GV nhận xét**C. Hoạt động vận dụng****\* Bài 8.**- Gọi HS đọc yêu cầu.- Bài toán yêu cầu làm gì?- HS thảo luận nhóm đôi- Mời HS chia sẻ đáp án- GV và HS nhận xét. - Em đã gặp PS trong các bài toán giải dạng nào?- NX tiết học | **-**- HS chơi trò chơi: HS dựa vào PS đã cho có thể rút gọn hoặc nhân PS đó với một số tự nhiên khác 0 để được một PS mới bằng PS đã cho.- $\frac{42}{100}$= $\frac{21}{50}$,…- HS chia sẻ- HS lắng nghe, ghi bài- HS đọc+ Không chia hết cho nhau- HS lắng nghe- HS nêu nhận xét.- HS đọc yêu cầu- HS làm bài, HS đổi vở, chữa bài với bạn cùng bàn.- HS chia sẻ.Kết quả:*+ Mẫu số chung: 4* $×$ *3 = 12.* *Ta có:* $\frac{1}{4}=\frac{1×3}{4×3}=\frac{3}{12}$ *và* $\frac{5}{3}=\frac{5×4}{3×4}=\frac{20}{12}$*Vậy quy đồng mẫu số hai phân số* $\frac{1}{4}$ *và* $\frac{5}{3}$ *ta được* $\frac{3}{12}$ *và* $\frac{20}{12}$*.**+ Mẫu số chung: 5* $×$ *7 = 35.* *Ta có:* $\frac{3}{5}=\frac{3×7}{5×7}=\frac{21}{35}$ *và* $\frac{4}{7}=\frac{4×5}{7×5}=\frac{20}{35}$*Vậy quy đồng mẫu số hai phân số* $\frac{3}{5}$ *và* $\frac{4}{7}$ *ta được* $\frac{21}{35}$ *và* $\frac{20}{35}$*.**+ Mẫu số chung: 10* $×$ *9 = 90.* *Ta có:* $\frac{3}{10}=\frac{3×9}{10×9}=\frac{27}{90}$ *và* $\frac{7}{9}=\frac{7×10}{9×10}=\frac{70}{90}$*Vậy quy đồng mẫu số hai phân số* $\frac{3}{10}$ *và* $\frac{7}{9}$ *ta được* $\frac{27}{90}$ *và* $\frac{70}{90}$*.*- HS trả lời:$\frac{3}{4}=\frac{3×6}{4×6}=\frac{18}{24}; \frac{1}{6}=\frac{1×4}{6×4}=\frac{4}{24}$ - HS theo dõi, ghi chép bài vào vở cá nhân.- HS làm bài, 1 HS lên bảng trình bày, cả lớp làm ra vở bài tập.- HS nhận xét- HS hoàn thành bài theo yêu cầu.- HS đọc yêu cầu- Bài toán yêu cầu so sánh 2 PS- Nếu 2 PS cùng MS thì so sánh TS, nếu 2 PS khác MS thì tiến hành quy đồng MS 2 PS để đưa về cùng MS rồi so sánh hoặc so sánh chúng với 1 rồi kết luận.- HS làm vở- HS chia sẻ, nhận xét- HS nêu- HS đọc yêu cầu- Bài toán yêu cầu sắp xếp các PS theo thứ tự từ bé đến lớn- HS làm vở- HS nhận xét, chữa bài.- HS đọc yêu cầu- Bài toán yêu cầu tìm sợi dây mà bạn Dung và Đức đã leo và bạn nào leo được đoạn dây dài hơn.- HS làm việc nhóm đôi và chia sẻ kết quả : Ta tiến hành quy đồng MS các PS do các PS này có MS khác nhau, sau khi đưa về cùng MS thì so sánh tử số, PS nào có tử số lớn hơn thì PS đó lớn hơn. Như vậy bạn Dung leo được đoạn dây dài hơn Đức.- HS lắng nghe- HS chia sẻ.- HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (Nếu có)**

..................................................................................................................................... .....................................................................................................................................

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**